

THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026 ĐẾN QUÝ II/2026
(Kèm theo Báo cáo số 412/BC-UBND ngày 10/7/2026 của UBND phường)

DVT: triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán thu HĐND phường giao năm 2026		Thực hiện đến 30/6/2026		So sánh số thực hiện/Dự toán (%)	
		Tổng Thu NSNN	Thu ngân sách phường	Tổng Thu NSNN	Thu ngân sách phường	Tổng Thu NSNN/DT	Thu ngân sách phường/DT
A	TỔNG THU NỘI ĐỊA PHÁT SINH TRÊN ĐỊA BẢN	966.050	262.217	657.420	158.389	68,1	60,4
I	THUẾ THÀNH PHỐ QUẢN LÝ THU	759.700	142.106	548.055	95.614	72,1	67,3
1	Thu từ khu vực DNNN TW	94.400	34.928	31.210	11.548	33,1	33,1
2	Thu từ khu vực DNNN ĐP	8.900	2.812	5.501	2.035	61,8	72,4
	Thuế GTGT	4.600	1.702	3.032	1.122		
	Thuế TNDN	3.000	1.110	2.468	913		
	Thuế TN	1.300		1			
3	Thu từ khu vực DN có vốn ĐTNN	53.100	19.647	56.583	20.935	106,6	106,6
	Thuế GTGT	12.800	4.736	7.456	2.758		
	Thuế TNDN	40.300	14.911	49.127	18.177		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	113.600	40.737	107.596	38.965	94,7	95,7
	Thuế GTGT	52.880	19.566	42.041	15.556		
	Thuế TTĐB	0	0	32	11		
	Thuế TNDN	57.220	21.171	63.238	23.398		
	Thuế TN	3.500		2.285			
5	Thuế thu nhập cá nhân	118.870	43.982	58.641	21.697	49,3	49,3
6	Thuế bảo vệ môi trường	324.510		91.353		28,2	
7	Phí, lệ phí	11.350		3.276		28,9	
8	Thu tiền cho thuê đất	5.370		161.422	434	3.006,0	
9	Thu tiền bán, cho thuê nhà SHNN	0					
10	Thu xổ số kiến thiết			28.838			
11	Thu cấp quyền KTKS, tài nguyên nước	0		406			
12	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ phần vốn của nhà nước tại các tổ chức kinh tế	90				0,0	
13	Thu khác ngân sách	29.510		3.229		10,9	
II	THUẾ CƠ SỞ QUẢN LÝ THU	206.350	120.111	109.365	62.775	53,0	52,3
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	80.190	29.670	51.119	18.914	63,7	63,7
	Thuế GTGT	67.820	25.093	38.444	14.224		
	Thuế TTĐB	150	56	74	28		
	Thuế TNDN	12.220	4.521	12.601	4.662		
2	Thuế thu nhập cá nhân	17.370	6.427	7.416	3.031	42,7	47,2
3	Lệ phí trước bạ	23.390	23.390	10.525	10.525	45,0	45,0
4	Phí, lệ phí	2.710	2.710	150	150	5,5	5,5
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.620	3.620	2.335	2.335	64,5	64,5
6	Thu tiền cho thuê đất	940	752			0,0	0,0
7	Tiền sử dụng đất	62.620	50.096	35.598	26.314	56,8	52,5

Stt	Nội dung	Dự toán thu HĐND phường giao năm 2026		Thực hiện đến 30/6/2026		So sánh số thực hiện/Dự toán (%)	
		Tổng Thu NSNN	Thu ngân sách phường	Tổng Thu NSNN	Thu ngân sách phường	Tổng Thu NSNN/DT	Thu ngân sách phường/DT
8	Thu khác ngân sách	13.850	1.786	2.222	1.506	16,0	84,3
	<i>Trong đó: Thu khác NS xã</i>	1.786	1.786	1.506	1.506		
10	Thu hoa lợi công sản, thu từ quỹ đất công ích tại xã	1.660	1.660				
B	THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	332.797	332.797	300.555	300.555	90,3	90,3
1	Thu nội địa NSDP được hưởng theo phân cấp	262.217	262.217	158.389	158.389	60,4	60,4
	- Thu từ các khoản NSDP hưởng 100%	33.166	33.166	14.516	14.516	43,8	43,8
	- Thu từ các khoản NSDP hưởng theo tỷ lệ %	229.051	229.051	143.873	143.873	62,8	62,8
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	70.580	70.580	97.228	97.228	137,8	137,8
	- Bổ sung cân đối						
	- Bổ sung thực hiện CCTL	33.348	33.348	33.348	33.348		
	- Bổ sung mục tiêu	37.232	37.232	63.880	63.880		
3	Thu chuyển nguồn			44.938	44.938		